

DANH SÁCH HỘ NGÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ I, II NĂM 2026
XÃ BA DINH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Ba Dinh)

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số ngườ i/ hộ	Số tiền/ tháng/hộ (đồng) (theo QĐ số 109/QĐ- UBND ngày 03/10/20 25 của UBND tỉnh)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I, II (đồng)	Tổng	Ghi chú
1	Phạm Thị Mú	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
2	Phạm Văn Hăm	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
3	Phạm Thị Chép	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
4	Phạm Thị Hú	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
5	Phạm Thị Nhỉ	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
6	Phạm Thị Tăng	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
7	Phạm Thị Nhem	Kà La	3	64.000	6	384.000	384.000	
8	Phạm Thị Háy	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
9	Phạm Văn Ói	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
10	Phạm Văn Xanh	Kà La	3	64.000	6	384.000	384.000	
11	Phạm Thị Dả	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
12	Phạm Thị Máy	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
13	Phạm Thị Mang	Kà La	5	64.000	6	384.000	384.000	
14	Phạm Thị Đun	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
15	Phạm Thị Mui	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
16	Phạm Thị Hớ	Kà La	4	64.000	6	384.000	384.000	
17	Phạm Thị Tót	Kà La	1	64.000	6	384.000	384.000	
18	Phạm Văn Bang	Kà La	2	64.000	6	384.000	384.000	
19	Phạm Thị Bình	Kà La	2	64.000	6	384.000	384.000	
20	Phạm Văn Chiều	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
21	Phạm Văn Một	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
22	Phạm Văn Nát	Gò Ghềm	3	64.000	6	384.000	384.000	
23	Phạm Thị Hin	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
24	Phạm Văn Đen	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
25	Phạm Văn Em	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
26	Phạm Văn Noi	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
27	Phạm Thị Chín	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
28	Phạm Thị Ngây	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
29	Phạm Văn Oan	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
30	Phạm Văn Diêu	Gò Ghềm	3	64.000	6	384.000	384.000	
31	Phạm Thị Vo	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
32	Phạm Văn Dệ	Gò Ghềm	3	64.000	6	384.000	384.000	
33	Phạm Thị Rép	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	

34	Phạm Văn Súi	Gò Ghềm	3	64.000	6	384.000	384.000	
35	Phạm Thị Ươ	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
36	Phạm Văn Hanh	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
37	Phạm Thị Phở	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
38	Phạm Văn Ngó	Gò Ghềm	6	64.000	6	384.000	384.000	
39	Phạm Văn Gụ	Gò Ghềm	2	64.000	6	384.000	384.000	
40	Phạm Văn Đách	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
41	Phạm Thị Ngột	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
42	Phạm Thị Tác	Gò Ghềm	1	64.000	6	384.000	384.000	
43	Phạm Văn Mã	Gò Ghềm	3	64.000	6	384.000	384.000	
44	Võ Thị Đầu	Gò Lê	1	64.000	6	384.000	384.000	
45	Nguyễn Hồng Ngon	Gò Lê	1	64.000	6	384.000	384.000	
46	Phạm Thị Lan	Gò Lê	1	64.000	6	384.000	384.000	
47	Phạm Văn Đào	Gò Lê	3	64.000	6	384.000	384.000	
48	Trần Trung	Gò Lê	2	64.000	6	384.000	384.000	
49	Huỳnh Thị Bích	Gò Lê	2	64.000	6	384.000	384.000	
50	Phạm Thị Phá	Đồng Dinh	2	64.000	6	384.000	384.000	
51	Phạm Thị Hùm	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
52	Phạm Văn Đoàn	Đồng Dinh	3	64.000	6	384.000	384.000	
53	Phạm Thị Tanh	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
54	Phạm Thị Trới	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
55	Phạm Thị Ý	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
56	Phạm Thị Huýt	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
57	Phạm Văn Đă	Đồng Dinh	4	64.000	6	384.000	384.000	
58	Phạm Văn Đồi	Đồng Dinh	2	64.000	6	384.000	384.000	
59	Phạm Thị Ma Rời	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
60	Phạm Thị Rễ	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
61	Phạm Thị Đói	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
62	Phạm Thị Riều	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
63	Phạm Thị Pa Rắc	Đồng Dinh	5	64.000	6	384.000	384.000	
64	Phạm Thị Đôn	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
65	Phạm Văn Nhảy	Đồng Dinh	2	64.000	6	384.000	384.000	
66	Phạm Thị Thanh	Đồng Dinh	3	64.000	6	384.000	384.000	
67	Phạm Thị Nía	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
68	Phạm Văn Đênh	Đồng Dinh	2	64.000	6	384.000	384.000	
69	Phạm Văn Ôn	Đồng Dinh	2	64.000	6	384.000	384.000	
70	Phạm Thị Đanh	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
71	Phạm Văn Đách	Đồng Dinh	2	64.000	6	384.000	384.000	
72	Phạm Thị Đệ	Đồng Dinh	1	64.000	6	384.000	384.000	
73	Trần Thị Quỳnh Sương	Nước Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
74	Phạm Thị Sưa	Nước Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
75	Nguyễn Thị Năm	Nước Lang	6	64.000	6	384.000	384.000	
76	Trần Thị Xí	Nước Lang	6	64.000	6	384.000	384.000	
77	Phạm Thị Ngử	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
78	Nguyễn Văn Hưng	Nước Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
79	Phạm Thị Lút	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
80	Phạm Thị Rối	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	

81	Phạm Thị Èu	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
82	Phạm Văn Hiếu	Nước Lang	4	64.000	6	384.000	384.000	
83	Châu Thị Hoàng Hoanh	Nước Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
84	Phạm Thị Ne	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
85	Phạm Văn Xung	Nước Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
86	Phạm Văn Ra	Nước Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
87	Phạm Thị Đu	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
88	Phạm Văn Láy	Nước Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
89	Phạm Thị Đặc	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
90	Phạm Thị Chốt	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
91	Phạm Văn Đôm	Nước Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
92	Phạm Văn Xách	Nước Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
93	Phạm Văn Tếp	Nước Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
94	Phạm Thị Câm	Nước Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
95	Đinh Hoài Phương	Nước Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
96	Phạm Văn XRăng	Kách Lang	6	64.000	6	384.000	384.000	
97	Phạm Văn Thon	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
98	Phạm Thị Hói	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
99	Phạm Thị Êê	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
100	Phạm Thị Nghê	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
101	Phạm Thị Dur	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
102	Phạm Thị Ngom	Kách Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
103	Phạm Thị Đen	Kách Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
104	Phạm Thị Hi	Kách Lang	5	64.000	6	384.000	384.000	
105	Phạm Văn Rẫy	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
106	Phạm Văn Ninh	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
107	Phạm Văn Đoi	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
108	Phạm Thị Hía	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
109	Phạm Thị Din	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
110	Phạm Thị Gon	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
111	Phạm Thị Tộc	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
112	Phạm Thị Trùng	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
113	Phạm Văn Rê	Kách Lang	7	64.000	6	384.000	384.000	
114	Phạm Văn Đào	Kách Lang	4	64.000	6	384.000	384.000	
115	Phạm Văn Hình	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
116	Phạm Thị Ly	Kách Lang	3	64.000	6	384.000	384.000	
117	Phạm Văn Hia	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
118	Phạm Văn Tê	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
119	Phạm Văn Thầy	Kách Lang	8	64.000	6	384.000	384.000	
120	Phạm Thị Phảy	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
121	Phạm Văn Lanh	Kách Lang	8	64.000	6	384.000	384.000	
122	Phạm Văn Mát	Kách Lang	6	64.000	6	384.000	384.000	
123	Phạm Văn Lôi	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
124	Phạm Văn Đênh	Kách Lang	2	64.000	6	384.000	384.000	
125	Phạm Thị Tai	Kách Lang	1	64.000	6	384.000	384.000	
126	Phạm Văn Kiên	Kách Lang	4	64.000	6	384.000	384.000	
127	Phạm Văn Đức	Làng Măng	5	64.000	6	384.000	384.000	

128	Phạm Văn Thỏa	Làng Măng	6	64.000	6	384.000	384.000	
129	Phạm Thị Dênh	Làng Măng	5	64.000	6	384.000	384.000	
130	Đinh Thị Bớt	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
131	Phạm Thị Ghêu	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
132	Phạm Văn Nhura	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
133	Phạm Văn Lâm	Làng Măng	4	64.000	6	384.000	384.000	
134	Phạm Thị Nhút	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
135	Phạm Thị Héo	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
136	Phạm Thị Dây	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
137	Phạm Thị Nhun	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
138	Phạm Văn KMinh	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
139	Phạm Thị Hoa	Làng Măng	1	64.000	6	384.000	384.000	
140	Đinh Thế Mít	Làng Măng	3	64.000	6	384.000	384.000	
141	Phạm Văn Dít	Làng Măng	5	64.000	6	384.000	384.000	
142	Phạm Văn Ve	Làng Măng	3	64.000	6	384.000	384.000	
143	Phạm Văn Bảy	Làng Măng	4	64.000	6	384.000	384.000	
144	Phạm Văn Loa	Nước Lô	5	64.000	6	384.000	384.000	
145	Phạm Thị Lun	Nước Lô	2	64.000	6	384.000	384.000	
146	Phạm Văn Đều	Nước Lô	4	64.000	6	384.000	384.000	
147	Phạm Thị Âm	Nước Lô	1	64.000	6	384.000	384.000	
148	Phạm Văn Lía	Nước Lô	2	64.000	6	384.000	384.000	
149	Phạm Thị Tiêu	Nước Lô	3	64.000	6	384.000	384.000	
150	Phạm Thị Ngược	Ba Nhà	2	64.000	6	384.000	384.000	
151	Phạm Văn Hời	Ba Nhà	3	64.000	6	384.000	384.000	
152	Phạm Văn Hôm	Ba Nhà	4	64.000	6	384.000	384.000	
153	Phạm Văn Nhất	Ba Nhà	4	64.000	6	384.000	384.000	
154	Phạm Văn Nghen	Ba Nhà	8	64.000	6	384.000	384.000	
155	Phạm Văn E	Ba Nhà	2	64.000	6	384.000	384.000	
156	Phạm Thị Ngật	Ba Nhà	1	64.000	6	384.000	384.000	
157	Phạm Văn Dâm	Ba Nhà	3	64.000	6	384.000	384.000	
158	Phạm Thị K Lâm	Ba Nhà	1	64.000	6	384.000	384.000	
159	Phạm Văn Cuộc	Ba Nhà	2	64.000	6	384.000	384.000	
160	Phạm Văn Dinh	Ba Nhà	3	64.000	6	384.000	384.000	
161	Phạm Văn Oanh	Ba Nhà	6	64.000	6	384.000	384.000	
162	Phạm Thị Quynh	Ba Nhà	3	64.000	6	384.000	384.000	
163	Phạm Văn Ếo	Ba Nhà	5	64.000	6	384.000	384.000	
164	Phạm Thị Á	Ba Nhà	2	64.000	6	384.000	384.000	
165	Phạm Văn Chia	Ba Nhà	3	64.000	6	384.000	384.000	
166	Phạm Văn Mea	Ba Nhà	2	64.000	6	384.000	384.000	
167	Phạm Văn Minh	Ba Nhà	5	64.000	6	384.000	384.000	
168	Phạm Thị Ngật	Ba Nhà	2	64.000	6	384.000	384.000	
169	Phạm Thị Thố	Gò Khôn	4	64.000	6	384.000	384.000	
170	Phạm Thị Ngum	Gò Khôn	1	64.000	6	384.000	384.000	
171	Phạm Văn Lon	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
172	Phạm Thị Ngũa	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
173	Phạm Thị Quý	Gò Khôn	3	64.000	6	384.000	384.000	
174	Phạm Thị Gai	Gò Khôn	1	64.000	6	384.000	384.000	
175	Phạm Thị Nhầm	Gò Khôn	5	64.000	6	384.000	384.000	

176	Phạm Văn Tên	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
177	Phạm Văn Bệnh	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
178	Phạm Thị Mẹ	Gò Khôn	5	64.000	6	384.000	384.000	
179	Phạm Văn Hư	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
180	Phạm Văn Rin (A)	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
181	Phạm Thị Rể	Gò Khôn	5	64.000	6	384.000	384.000	
182	Phạm Thị Hao	Gò Khôn	3	64.000	6	384.000	384.000	
183	Phạm Thị Hơ	Gò Khôn	3	64.000	6	384.000	384.000	
184	Phạm Thị KLy	Gò Khôn	1	64.000	6	384.000	384.000	
185	Phạm Thị Phuối	Gò Khôn	3	64.000	6	384.000	384.000	
186	Phạm Văn Chợ	Gò Khôn	3	64.000	6	384.000	384.000	
187	Phạm Thị Nĩ	Gò Khôn	5	64.000	6	384.000	384.000	
188	Phạm Thị Nhú	Gò Khôn	2	64.000	6	384.000	384.000	
189	Phạm Thị Riêng	Gò Khôn	1	64.000	6	384.000	384.000	
190	Phạm Văn Ngừ	Gò Khôn	4	64.000	6	384.000	384.000	
191	Phạm Thị Tiền	Gò Khôn	1	64.000	6	384.000	384.000	
192	Phạm Thị Đốt	Gò Khôn	1	64.000	6	384.000	384.000	
193	Phạm Văn Rãi	Gò Khôn	5	64.000	6	384.000	384.000	
194	Phạm Thị Trích	Gò Khôn	4	64.000	6	384.000	384.000	
195	Phạm Văn Ngoan	Gò Khôn	3	64.000	6	384.000	384.000	
						74.880.000	#####	

Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý I, II năm 2026: 195 hộ.
Trong đó: Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền kỳ này: 195 hộ; Số hộ hỗ trợ tiền các kỳ trước chuyển sang
Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy mươi bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng.